

BỘ CÂU HỎI TIN HỌC VĂN PHÒNG

Câu 1: Chính sách nhóm (group) trong mạng máy tính thường được áp dụng cho đối tượng nào?

- a. Các hệ thống mạng đơn lẻ
- b. Nhóm người dùng hoặc nhóm các máy tính
- c. Cho từng tài khoản cá nhân
- d. Các máy tính cá nhân

Câu 2: Chức năng nào thường được sử dụng để cài đặt, hủy cài đặt phần mềm trong windows

- a. Bảng điều khiển
- b. Phần mềm
- c. Phần cứng
- d. Màn hình Desktop

Câu 3: Đâu là phát biểu đúng:

- a. Phần mềm ứng dụng 32 bit không chạy được trên Window 64 bit.
- b. Hệ điều hành Window 10 chỉ có phiên bản 64 bit.
- c. Hệ điều hành Window phiên bản 32 bit có thể quản lý bộ nhớ RAM tối đa là 3.5Gb.
- d. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 4: Mục tiêu của chính phủ điện tử là:

- a. Nâng cao năng lực quản lý điều hành của Chính phủ và các cơ quan chính quyền cao cấp.
- b. Giảm được chi phí cho bộ máy chính phủ.
- c. Người dân có thể tham gia xây dựng chính sách, đóng góp vào quá trình xây dựng luật pháp qua trình điều hành của Chính phủ một cách tích cực.
- d. Các câu trên đều đúng.

Câu 5: Trong một thư mục mẹ, có thư mục A và thư mục B. Khi đổi tên thư mục từ A thành B thì:

- a. Máy tính ra thông báo tên đã tồn tại và không cho phép thực hiện.
- b. Máy tính tự động xóa thư mục B đã có.
- c. Máy tính tự động đặt tên mới là B0001.
- d. Cả 3 phát biểu trên là sai.

Câu 6: Ngân hàng điện tử cho phép người dùng:

- a. Truy vấn thông tin tài khoản qua mạng Internet.
- b. Thực hiện các giao dịch chuyển khoản qua mạng Internet.
- c. Thanh toán qua mạng Internet.
- d. Các câu trên đều đúng.

Câu 7: Chuỗi tìm kiếm nào dưới đây là đúng khi muốn tìm kiếm cả 3 tập tin: "ngay251205.txt", "day112cp.doc" và "pay.xls"

- a. ?ay.*
- b. *ay*
- c. *ay.*
- d. ?ay

Câu 8: Sắp xếp các đơn vị đo đơn vị thông tin sau theo thứ tự tăng dần? (a – Bit; b – Byte; c – Kilobyte; d – Terabyte; e – Gigabyte; f – Megabyte)

- a. a,b,c,f,e,d
- b. a,b,f,c,g,d
- c. a,b,c,d,e,f
- d. a,b,f,c,e,d

Câu 9: Phát biểu nào là đúng khi hệ điều hành đang chạy ở chế độ Safe Mode?

- a. Chuột và các thiết bị lưu trữ không hoạt động.
- b. Các dịch vụ mạng được kích hoạt nhưng hạn chế một số dịch vụ.
- c. Các dòng nhắc lệnh được kích hoạt thay vì hệ điều hành.
- d. Hệ điều hành chỉ tải các tập tin hệ thống cơ bản, các dịch vụ cơ và các driver cơ bản.

Câu 10: Lựa chọn nào dưới đây thuộc về trách nhiệm quản lý của hệ điều hành?

- a. Các nguồn tài nguyên, phần cứng, phần mềm, phần mềm hệ thống.
- b. Các phần mềm ứng dụng đã được cài đặt và khả dụng.
- c. Các phần mềm tiện ích đã được cài đặt và khả dụng.
- d. Các trình duyệt được sử dụng để duyệt Internet.

Câu 11: Phần mềm gián điệp (Spyware) là gì?

- a. Một phần mềm theo dõi, bí mật giám sát, ngăn chặn, hoặc làm mất kiểm soát sự tương tác của người dùng với máy tính.
- b. Một dịch vụ cung cấp cho người sử dụng mà không cần thanh toán trên cơ sở thử nghiệm mà thường bị giới hạn bởi bất kỳ sự kết hợp của các chức năng, trình sẵn có.
- c. Một cơ sở dữ liệu lưu trữ các thiết lập và tùy chọn cho hệ điều hành Microsoft Windows và chứa thông tin và cài đặt cho phần cứng.
- d. Một chương trình có thể sao chép chính nó và lây nhiễm sang một máy tính mà không được phép.

Câu 12: Trong Microsoft Word, để chọn một dòng văn bản, ta thực hiện:

- a. Đưa con trỏ đến dòng cần chọn, bấm Home, giữ Shift rồi bấm End.
- b. Nhấn chuột vào khoảng trống đầu dòng bên trái của dòng đó
- c. Cả A, B đều đúng
- d. Cả A, B đều sai

Câu 13: Để thay đổi hướng viết trong một ô thuộc Table (Winword), bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Thẻ Design \ chọn Text Direction
- b. Thẻ Layout \ chọn Text Direction \ chọn 1 kiểu
- c. Thẻ Page Layout \ chọn Text Direction \ chọn 1 kiểu
- d. Thẻ Home \ chọn Text Direction

Câu 14: Trong Microsoft Word, tổ hợp phím Shift + F3 có tác dụng:

- a. Đổi tất cả thành chữ thường
- b. Đổi chữ đầu của các từ thành chữ hoa
- c. Đổi tất cả thành chữ hoa
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 15: Trong Microsoft Word, khi cần sử dụng thanh công cụ hỗ trợ vẽ các hình đồ họa như hình tròn, hình vuông, hình elip, hình mũi tên, ta chọn thao tác trên menu nào?

- a. View/ Toolbars/ Formating
- b. Insert/ Toolbars/ Control toolbox
- c. Insert/ Shapes
- d. View/ Toolbars/ Standard

Câu 16: Trong Microsoft Word, để bỏ đường viền của TextBox, ta nhấp chọn Textbox rồi thực hiện:

- a. Nhấp công cụ Line Color trên thanh Drawing
- b. Nhấp phím Delete
- c. Vào Drawing Tools/ Format/ Shape Outline/ No Outline
- d. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 17: Trong Microsoft Word, để tách một ô của Table thành nhiều ô, ta chọn thao tác trên menu nào?

- a. Tools/ Split Cells
- b. Tables/ Cells
- c. Tables/ Merge Cells
- d. Table Tools/ Layout/ Split Cells

Câu 18: Để tạo nên một bài thuyết trình tốt cần phải:

- a. Xác định đối tượng khán giả và mục tiêu bài trình diễn.
- b. Lựa chọn đúng phương pháp báo cáo, phương pháp truyền đạt thông tin.
- c. Tạo các bản in phát cho khán giả và ghi chú cho slide .
- d. Cả a,b,c đều đúng

Câu 19: Trong Microsoft Word, để gõ nhanh các từ, cụm từ lặp đi lặp lại nhiều lần, ta cài chế độ tốc ký ?

- a. Cài trong chương trình hỗ trợ tiếng Việt
- b. File/Options/Proofing/AutoCorrect Options – Replace: từ tắt, With: nguyên từ
- c. File/Options/Language/Grammar
- d. Không có chức năng này

Câu 20: Trong Microsoft Word, khi chia cột (Columns) để ngắt một đoạn văn bản sang cột khác ta chọn:

- a. View/ Break/ Column Break
- b. Đặt điểm chèn tại nơi cần ngắt, vào Page Layout/ Breaks/ Column
- c. Vào Format/ Change Case
- d. Tất cả đều sai

Câu 21: Trong Word, để tạo liên kết cho 1 chuỗi văn bản đến 1 trang web, sau khi chọn chuỗi văn bản, vào Insert\Hyperlink , bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Exiting file or Web page
- b. Place in this document
- c. Create New Document
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai

Câu 22: Trong Word, để chèn 1 auto text đã tạo, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Nhập tên của auto text \ nhấn CTRL+V
- b. Nhập tên của auto text \ nhấn F3
- c. Đặt trỏ tại vị trí cần chèn \ nhấn F3
- d. Nhập tên của auto text \ ALT+F3

Câu 23: Trong Word, để tạo 1 ghi chú (Comment) , bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Chọn References\New Comment \ nhập nội dung \ Enter
- b. Chọn Review\New Comment \ nhập nội dung \ Enter
- c. Chọn Insert\Comment \ nhập nội dung \ Enter
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai

Câu 24: Trong Word, để sao chép định dạng của chuỗi văn bản a cho chuỗi văn bản b, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Thẻ Home \ chọn văn bản a \ Format Painter \ quét chọn văn bản b
- b. Thẻ Home \ chọn Format Painter \ quét chọn chuỗi văn bản b
- c. Thẻ Home \ chọn Format Painter \ quét chọn chuỗi văn bản a sau đó quét chọn văn bản b
- d. Thẻ Home \ quét chọn văn bản b \ Format Painter \ quét chọn văn bản a

Câu 25: Trong soạn thảo Word, để chọn một đoạn văn bản ta thực hiện:

- a. Click 1 lần trên đoạn
- b. Click 2 lần trên đoạn
- c. Click 3 lần trên đoạn
- d. Click 4 lần trên đoạn.

Câu 26: Trong Word, muốn tạo chú thích ở chân trang (footnote), bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Insert \ nhóm Footnotes \ Insert Footnote
- b. References \ nhóm Footnotes \ Insert Endnote
- c. References \ nhóm Footnotes \ Insert Footnote
- d. Home \ nhóm Footnotes \ Insert Footnote

Câu 27: Trong Word, để thực hiện việc ghép các ô trong một bảng, bạn sử dụng lựa chọn nào? (Chọn nhiều trả lời)

- a. Right Click \ Split Cells
- b. Right Click \ Merge Cells
- c. Nhấn tổ hợp phím CTRL – M
- d. Click chọn biểu tượng (Merge Cells) trên nhóm Layout của Table Tools

Câu 28: Trong Word, muốn chèn ngày tháng năm hiện hành vào văn bản, bạn thực hiện thế nào?

- a. Home \ nhóm Editing \ Field... \ Date
- b. Insert \ nhóm Text \ Field... \ Date
- c. Insert \ nhóm Text \ Quick Parts \ Field... \ Date
- d. Insert \ nhóm Text \ Quick Parts \ Date

Câu 29: Tại tiêu đề đầu trang (Header), muốn di chuyển đến tiêu đề cuối trang (Footer), bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Nút Next
- b. Nút Insert Footer
- c. Nút Go to Footer
- d. Nút Edit Header

Câu 30: Trong Word, để tạo 1 ghi chú (Comment) , bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Chọn Insert\Comment \ nhập nội dung \ Enter
- b. Chọn References\New Comment \ nhập nội dung \ Enter
- c. Chọn Review\New Comment \ nhập nội dung \ Enter
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai

Câu 31: Để hiển thị đường lưới trong Table (Winword), bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Table Tools\Design\Show Gridlines
- b. Table Tools\Design\View Gridlines
- c. Table Tools\Layout\Table \ View Gridlines
- d. Table Tools\Layout\Show \ View Gridlines

Câu 32: Trong Word, để chọn danh sách dữ liệu khi phôi thư, sau khi chọn thẻ Mailings bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Chọn Edit Recipients List
- b. Chọn Insert Merge Field
- c. Chọn Select Recipients
- d. Cả 3 lựa chọn đều sai

Câu 33. Trong các lựa chọn sau, lựa chọn nào giải thích tốt nhất lý do cho việc dùng lệnh Group:

- a. Để đánh dấu các đối tượng sẽ được chỉnh sửa
- b. Để sao chép hoặc di chuyển những đối tượng này sang một tài liệu khác
- c. Để xử lý một số đối tượng như thể chúng là một
- d. Để đánh dấu các đối tượng sẽ được xóa

Câu 34. Trong Excel, để đổi tên một Sheet ta thực hiện:

- a. Click chuột phải vào Sheet \ Rename
- b. Click chuột phải vào Sheet \ Modify name
- c. File \ Rename sheet
- d. View \ Format \ Rename sheet

Câu 35. Trong Excel, nếu DTB = 9 và HK là “Khá” thì biểu thức =If(OR(DTB>=8, HK= "Tốt"),9,4)

- a. 4
- b. FALSE
- c. 9
- d. TRUE

Câu 36. Trong Excel biểu thức =25*2+5*2+(25-2)/2 sẽ trả về kết quả là:

- a. Excel thông báo lỗi cú pháp
- b. 71,5
- c. 82,5
- d. 100

Câu 37. Trong Excel, để tính tổng các ô từ A1 đến A7, công thức nào dưới đây là đúng?

- a. = SUM(A1.A7)
- b. = SUM(A1,A7)
- c. = SUM(A1):SUM(A7)
- d. = SUM(A1:A7)

Câu 38. Trong bảng tính Excel, hàm nào cho phép tính tổng các giá trị kiểu số thỏa mãn một điều kiện cho trước:

- a. DCOUNT
- b. SUMIF
- c. SUM
- d. COUNT

Câu 39. Trong Excel, kết quả trong ô B2 là gì nếu tại đó ta nhập =4>6

- a. TRUE
- b. FALSE
- c. 4>6
- d. #Value

Câu 40. Trong Excel, nếu DTB = 9 thì biểu thức =If(DTB>=5, "TB",If(DTB>=6.5, "Kha",If(DTB>= 8, "Gioi", "Yeu"))) cho kết quả là:

- a. Gioi
- b. Yeu
- c. TB
- d. Kha

Câu 41. Trong Excel, để thay đổi độ rộng của cột, ta thực hiện lệnh:

- a. Thẻ Home, nhóm Cells, chọn Format, chọn Column width
- b. Thẻ View, nhóm Cells, chọn Format, chọn Column width
- c. Thẻ Edit, nhóm Cells, chọn Format, chọn Column width
- d. Thẻ Review, nhóm Cells, chọn Format, chọn Column width

Câu 42. Trong bảng tính Excel, tại ô A1 gõ vào công thức =AVERAGE(10,20,30,40) thì nhận được kết quả là:

- a. 5
- b. 25
- c. 50
- d. 100

Câu 43. Trong bảng tính Excel, tại ô A1 gõ vào công thức =SUM(10,20,30,40) thì nhận được kết quả là:

- a. 25
- b. 50
- c. 100
- d. 5

Câu 44. Trong bảng tính Excel, tại ô A1 có sẵn dãy kí tự "Number 1". Nếu sử dụng nút điền để điền dữ liệu đến các ô B1, C1, D1 thì kết quả nhận được tại ô D1 là:

- a. Number 4
- b. Number 3
- c. Number 2
- d. Number 1

Câu 45. Trong Excel, tại ô A1 có giá trị là số 9 ô B1 có giá trị là số 6. Tại ô C1 gõ công thức =MOD(A1,B1) thì nhận được kết quả:

- a. 0
- b. 9
- c. 6
- d. 3

Câu 46. Trong Excel, xét các dạng địa chỉ sau đây, địa chỉ nào là địa chỉ tuyệt đối?

- a. E\$1\$:F\$10\$
- b. \$C1:\$D10
- c. \$G\$1:\$H\$10
- d. A\$1:B\$10

Câu 47. Trong Excel, dữ liệu dạng số trong một ô mặc định được căn lề ...

- a. Trái
- b. Phải
- c. Giữa
- d. Căn đều 2 bên

Câu 48. Trong Excel, tại ô A1 có giá trị là số 2016. Tại ô B1 gõ công thức =LEN(A1) thì nhận được kết quả:

- a. 2016
- b. 0
- c. #VALUE!
- d. 4

Câu 49. Biểu thức =AND(5>4, 6<9, OR(2<1,3>2)) cho giá trị là:

- a. TRUE
- b. #VALUE!
- c. FALSE
- d. #NAME?

Câu 50. Trong Excel, biểu thức =OR(2<3, 5<8, 4<2) cho giá trị là:

- a. #VALUE!
- b. #NAME?
- c. TRUE
- d. FALSE

Câu 51. Trong Excel, nếu DTB = 6 thì biểu thức =If(DTB>=5, Đỗ, Trượt) cho kết quả là?

- a. #VALUE!
- b. Đỗ
- c. Trượt
- d. #NAME?

Câu 52. Trong Excel, khi viết sai tên hàm trong công thức, kết quả sẽ trả về là:

- a. #DIV/0!
- b. #NAME!
- c. #VALUE!
- d. #N/A!

Câu 53. Trong Excel, tổ hợp phím tắt dùng để mở một Workbook có sẵn trong máy tính:

- a. Alt + O
- b. Alt + Shift + O
- c. Shift + O
- d. Ctrl + O

Câu 54. Trong bảng tính Excel, các ô A1; A2; A3; A4 có giá trị số lần lượt là 2; 3; 5; -7. Biểu thức =Sum(A1:A5) sẽ trả lại kết quả là:

- a. 5
- b. 3
- c. 17
- d. #VALUE!

Câu 55. Trong Excel, nếu trong ô tính xuất hiện ##### có nghĩa:

- a. Độ rộng của ô đó quá hẹp
- b. Giá trị tính toán sai
- c. Hàng chứa ô đó có chiều cao quá thấp
- d. Nhập sai tên hàm

Câu 56. Cho biết kết quả của công thức sau =INT(MOD(91,8)/2)

- a. 0
- b. 2
- c. 3
- d. 1

Câu 57. Trong Excel, giá trị nào dưới đây là kết quả của định dạng Comma style trên thẻ Home?

- a. 1234567.00
- b. 1,234,567.00
- c. 1,234,567
- d. 1234567

Câu 58. Một cửa hàng thiết bị điện máy gia dụng có bán các loại hàng hoá như: tivi, tủ lạnh, điều hòa, ...ta có thể dùng hàm gì để giúp cửa hàng tính tổng số tiền bán được của từng loại hàng hóa?

- a. SUMIF
- b. SUMPRODUCT
- c. IFSUM
- d. SUM

Câu 59. Trong Ms Excel, dữ liệu trong ô có thể được trình bày theo vị trí ?

- a. Bên trái hay bên phải hay giữa ô theo độ rộng cột
- b. Bên trên hay bên dưới hay giữa ô theo chiều cao hàng
- c. Nằm ở chính giữa (tâm) ô
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 60. Trong Excel, để lưu trang tính, bảng tính dưới các kiểu file khác nhau như .pdf hoặc theo định dạng của các phiên bản Excel khác, trong cửa sổ File/Save As .. ta chọn kiểu file ở chức năng?

- a. File name:
- b. Save as type:
- c. Save in:
- d. Browse folders

Câu 61. Trong Ms Excel, để thêm trang tính mới (worksheet) vào bảng tính ta chọn?

- a. Home/Insert/Insert Sheet
- b. Insert/Workbook/Worksheet
- c. File/New/WorkSheet
- d. Home/new/Worksheet

Câu 62. Trong Ms Excel, để xóa tất cả cho ô, dãy ô ta vào chức năng ?

- a. Home/Clear/Clear all
- b. Home/Clear/Clear Formats
- c. Home/Clear/Clear Contents
- d. Home/Clear/Clear Comments

Câu 63. Trong Ms Excel, để phóng to – thu nhỏ (zoom) trang tính ta dùng thao tác?

- a. Giữ phím Shift + nút lăn (giữa) trên chuột
- b. Giữ phím Ctrl + nút lăn (giữa) trên chuột
- c. Giữ phím Alt + nút lăn (giữa) trên chuột
- d. Giữ phím Z + nút lăn (giữa) trên chuột

Câu 64. Trong Ms Excel, tập hợp các ô liên tục nhau được gọi là khối và có địa chỉ bắt đầu bằng ô trên cùng bên trái vd: C2 và ô dưới cùng bên phải vd: F8, đâu là qui ước cho địa chỉ khối này?

- a. C2..F8
- b. C2:F8
- c. C2&F8
- d. C2-F8

Câu 65. Trong Excel hàm MONTH(date) trả về:

- a. Số tháng trong năm của biến ngày tháng date
- b. Số tháng hiện tại của hệ thống
- c. Số năm của biến ngày tháng date
- d. Số ngày trong tháng của biến ngày tháng date

Câu 66. Hàm LEFT("Microsoft Excel 2016", 9) cho kết quả

- a. "Windows X"
- b. "Microsoft Windows"
- c. "Windows"
- d. "Microsoft"

Câu 67. Hàm RIGHT("Microsoft Excel 2016", 4) cho kết quả

- a. "Microsoft Excel 2016"
- b. B. "Microsoft"
- c. C. "Excel 2016"
- d. D. "2016"

Câu 68. Trong Excel, công thức =IF(SUM(B2:D2)>=0,1,0) sẽ cho kết quả như thế nào biết rằng các ô dữ liệu trong B2:D2 đều lớn hơn 0?

- a. 0
- b. 1
- c. 10
- d. Sai công thức

Câu 69. Trong Excel, muốn tính toán lại toàn bộ các công thức trong 1 sheet, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Nhấn F9
- b. Formulas \ nhóm Calculation \ Calculate Sheet
- c. Formulas \ nhóm Calculation \ Calculate Now
- d. Nhấn Ctrl+F9

Câu 70. Trong Excel, khi viết sai tên hàm trong tính toán, chương trình thông báo lỗi gì?

- a. #NAME!
- b. #DIV/0!
- c. #N/A!
- d. #VALUE!

Câu 71. Để luôn chỉ chọn in một vùng nào đó trong bảng tính Excel, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Bôi đen vùng cần in \ vào File\Print Area \ chọn Set Print Area.
- b. Vào File\Print \chọn OK.
- c. Cả 2 cách trên đều đúng.
- d. Cả 2 cách trên đều sai.

Câu 72. Để xóa hoàn toàn phần chú thích trong biểu đồ, bạn sử dụng lựa chọn nào? (Chọn nhiều trả lời)

- a. Chọn biểu đồ, chọn chú thích, nhấn Delete
- b. Chuột phải vào chú thích trong biểu đồ, chọn Remove
- c. Chọn biểu đồ, vào Charts Tool \ thẻ Layout \ Legend \ chọn None
- d. Cả a, c đều đúng

Câu 73. Giá trị tại ô F4 chứa điểm trung bình là 8. Công thức tại ô H4:

=IF(F4=10,"Xuất sắc",IF(F4>8,"Giỏi",IF(F4>6.5,"Khá","Trung bình")))). Kết quả trả về tại ô H4 là:

- a. Khá
- b. Trung bình
- c. Giỏi
- d. Xuất sắc

Câu 74. Trong bảng tính Excel, cho các giá trị như sau: ô A4 = 4, ô A2 = 5, ô A3 = 6, ô A7 = 7 tại vị trí ô B2 lập công thức B2 = Sum(A4,A2,Count(A3,A4)) cho biết kết quả ô B2 sau khi Enter:

- a. 10
- b. 9
- c. 11
- d. Lỗi

Câu 75. Trong bảng tính Excel, ô A1 chứa giá trị 5. Ta lập công thức tại ô B1 có nội dung như sau:

=IF(A1>=5, "Trung Bình", IF(A1>=7, "Khá", IF(A1>=8, "Giỏi", "Xuất sắc"))) khi đó kết quả nhận được là:

- a. Giỏi.
- b. Xuất sắc.
- c. Trung Bình.
- d. Khá.

Câu 76. Trong bảng tính Excel, Ô C2 chứa hạng của học sinh. Công thức nào tính học bổng theo điều kiện: Nếu xếp hạng từ hạng một đến hạng ba thì được học bổng là 200000, còn lại thì để trống

- a. =IF(C2>=3, 200000, 0)
- b. =IF(C2<=3, 200000, "")
- c. =IF(C2<=3, 0, 200000)
- d. =IF(C2<3, 200000, "")

Câu 77. Biểu thức sau = AND(5>4,6<9,2<1,10>7,OR(2<1,3>2))

- a. True
- b. False
- c. #Name?
- d. #Value!

Câu 78. Trong Excel, để thực hiện việc thêm trục thứ 2 vào biểu đồ, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Right Click \ Format Data Series \ Primary Axis
- b. Right Click \ Format Data Series \ Secondary Axis
- c. Click chọn biểu tượng (Change Chart Type) trên nhóm Type của Tab Design
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai

Câu 79. Trong Excel, để thực hiện cách lọc một danh sách (lọc nâng cao), bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Click chọn biểu tượng (Filter) trên nhóm Sort & Filter của Tab Data
- b. Click chọn biểu tượng (Clear) trên nhóm Sort & Filter của Tab Data
- c. Click chọn biểu tượng (Advanced) trên nhóm Sort & Filter của Tab Data
- d. Click chọn biểu tượng (Reapply) trên nhóm Sort & Filter của Tab Data

Câu 80. Trong Excel, để bảo vệ trang tính bằng mật khẩu, bạn sử dụng lựa chọn nào sau đây?

- a. File\Protect \ Protect Sheet
- b. Review\Protect \ Protect Sheet
- c. Review\Changes \ Protect Sheet
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai

Câu 81. Trong Excel, giả sử ô A4 chứa kết quả một công thức, để sao chép kết quả (chỉ lấy giá trị) trên vào ô A8, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Tại ô A4 \ Copy, tại ô A8 \ Paste
- b. Tại ô A4 \ Copy, tại ô A8 \ Paste Special, chọn Formula
- c. Tại ô A4 \ Copy, tại ô A8 \ Paste Special, chọn Value
- d. Tại ô A8 \ Copy, tại ô A4 \ Paste Special, chọn Formula

Câu 82. Trong Excel, để đặt tên một vùng gồm nhiều ô, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Formulas – Chọn Name Manager – New – đặt tên vùng và chọn vùng cần đặt tên
- b. Formulas – Define Name – đặt tên vùng và chọn vùng cần đặt tên
- c. Cả 2 lựa chọn đều sai
- d. Cả 2 lựa chọn đều đúng

Câu 83. Trong PowerPoint, ở chế độ Normal View, thẻ Outline dùng để làm gì?

- a. Hiện thị các trang chiếu dưới dạng thu nhỏ
- b. Hiện thị các trang chiếu dưới dạng dàn ý
- c. Hiện thị các trang chiếu dưới dạng văn bản thô
- d. Hiện thị các trang chiếu dưới dạng chú thích

Câu 84. Để tạo nên một bài thuyết trình tốt cần phải:

- a. Xác định đối tượng khán giả và mục tiêu bài trình diễn.
- b. Lựa chọn đúng phương pháp báo cáo, phương pháp truyền đạt thông tin.
- c. Tạo các bản in phát cho khán giả và ghi chú cho slide .
- d. Cả A,B,C đều đúng

Câu 85. Trong Powerpoint, muốn đánh số cho từng Slide, ta dùng lệnh nào sau đây:

- a. Insert/ Bullets and Numbering
- b. Insert/ Slide Number
- c. Format/ Bullets and Numbering
- d. Các câu trên đều sai

Câu 86. Animations là chức năng tạo hiệu ứng cho:

- a. Textbox
- b. Chart
- c. Shapes
- d. Tất cả đều đúng

Câu 87. Trong PowerPoint, nút lệnh nào sau đây không thuộc nhóm lệnh Group Objects?

- a. Ungroup
- b. Degroup
- c. Regroup
- d. Group

Câu 88. Trong PowerPoint, để chèn video từ Internet vào slide:

- a. Insert \ Internet Video
- b. Insert \ Object \ Internet Video
- c. Insert \ Trong nhóm Media chọn Video \ Online Video
- d. Insert \ Online Video

Câu 89. Trong PowerPoint, đâu là hiệu ứng chuyển trang slide?

- a. Switch slide
- b. Transition
- c. Switch page
- d. Animations

Câu 90. Trong PowerPoint, điều kiện để kích hoạt chế độ Use Presenter View là:

- a. Trình chiếu phải được thiết lập với slide cuối cùng có nền đen
- b. Cần phải có màn hình thứ hai hoặc máy chiếu kết nối với máy tính
- c. Trình chiếu phải được thiết lập với slide đầu tiên có nền đen
- d. Người dùng phải có quyền quản trị hệ thống

Câu 91. Trong PowerPoint, loại hiệu ứng hoạt hình nào dùng để nhấn mạnh đối tượng trên trang chiếu?

- a. Motion Paths
- b. Exit
- c. Entrance
- d. Emphasis

Câu 92. Trong PowerPoint, nút lệnh Shapes dùng để:

- a. Chèn biểu đồ vào slide
- b. Chèn chữ nghệ thuật
- c. Vẽ hình trong slide
- d. Chèn hình ảnh vào slide

Câu 93. Trong PowerPoint, để chèn ảnh từ trên Internet vào slide:

- a. Insert \ Internet Pictures
- b. Insert \ Object \ Internet Pictures
- c. Insert \ Online Pictures
- d. Chỉ có thể chèn ảnh từ máy tính vào slide, không thể chèn ảnh từ Internet.

Câu 94. Trong PowerPoint, để đánh số trang cho từng slide, ta thực hiện:

- a. Chỉ có thể dùng lệnh Slide Number
- b. Insert\Header & Footer chọn Slide Number
- c. Không thể đánh số trang cho slide
- d. Dùng lệnh Slide Page Number

Câu 95. Trong PowerPoint, để giữ nguyên định dạng cho các trang chiếu khi được lấy từ một bài trình chiếu khác, ta dùng lệnh gì?

- a. Slides from Outline
- b. Two Content
- c. Duplicate Selected Slides
- d. Keep source formatting

Câu 96. Trong PowerPoint, muốn trình chiếu tài liệu từ slide hiện hành ta thực hiện:

- a. Slide Show \ From Current Slide
- b. View \ From Current Slide
- c. Review \ From Current Slide
- d. Show \ From Current Slide

Câu 97. Trong PowerPoint, đang trình chiếu một bài trình chiếu, muốn dừng trình chiếu ta nhấn phím:

- a. Home
- b. End
- c. Tab
- d. Esc

Câu 98. Trong PowerPoint, để thay đổi phong cách trình bày nền (Background) cho tất cả các slide, ta chọn cách nào sau đây?

- a. Trên thẻ Page Layout, trong nhóm Page Setup, chọn Background Styles
- b. Trên thẻ Home, trong nhóm Drawing, chọn Quick Styles
- c. Trên thẻ Design, trong nhóm Variants, chọn More, chọn Background Styles, chọn tên một Style bất kỳ.
- d. Trên thẻ Design, trong nhóm Customize, chọn Format Background

Câu 99. Trong PowerPoint, phím tắt nào sau đây dùng để trình chiếu từ slide hiện tại?

- a. Ctrl + Shift +F5
- b. Ctrl +F5
- c. Shift +F5
- d. Alt +F5

Câu 100. Trong PowerPoint, lựa chọn nào dùng để chèn âm thanh thu âm trực tiếp vào slide?

- a. Insert \ Audio \ Record Audio
- b. Chỉ có thể chèn âm thanh từ file sẵn có trên máy tính vào slide.
- c. Insert \ Object \ Record Audio
- d. Insert \ Record Audio

Câu 101. Trong PowerPoint, lệnh Date and time trong hộp thoại Header and Footer dùng để làm gì?

- a. Thiết lập ngày, giờ hiển thị trong Slide
- b. Hẹn ngày, giờ trình chiếu Slide
- c. Thiết lập ngày, giờ đóng Slide
- d. Thiết lập ngày, giờ tạo Slide

Câu 102. Trong PowerPoint, tổ hợp phím tắt nào được sử dụng để tùy chọn thiết lập in?

- a. Ctrl + P
- b. Ctrl + C
- c. Ctrl + V
- d. Ctrl + Z

Câu 103. Mỗi trang trình chiếu trong PowerPoint được gọi là:

- a. Một Slide
- b. Một Worksheet
- c. Một Document
- d. Một File

Câu 104. Trong PowerPoint, có thể lựa chọn hiệu ứng hoạt cảnh của một đoạn văn bản bằng cách:

- a. Trên thẻ Animations, trong nhóm Advanced Animation, chọn Animation Pane
- b. Trên thẻ Animations, trong nhóm Animation, chọn Animation Pane
- c. Trên thẻ Animations, trong nhóm Advanced Animation, chọn Add Animation
- d. Nhấp chuột phải vào ô chứa nội dung văn bản, sau đó chọn Animation

Câu 105. Trong PowerPoint, Master slide có chức năng:

- a. Chỉ dùng để đánh số slide
- b. Chỉ dùng để thiết lập đầu trang, chân trang slide
- c. Thiết lập chung cho các nội dung trên tất cả các slide như logo, font chữ, màu sắc, kiểu dáng .v.v
- d. Thêm tóm tắt bài trình bày

Câu 106. Trong PowerPoint, để không cho phép một slide xuất hiện khi trình chiếu, ta thực hiện?

- a. Chọn slide cần ẩn, sau đó vào Slide Show, chọn Hide Slide
- b. Xóa slide khỏi bài trình chiếu
- c. Chọn slide cần ẩn, sau đó vào Design, chọn Hide Slide
- d. Chọn slide cần ẩn, sau đó vào View, chọn Hide Slide

Câu 107. Trong PowerPoint, lựa chọn nào dùng để lưu file ra đĩa CD?

- a. File/ Export / Save to CD
- b. File/ Export / Create file to CD
- c. File/ Export / Packaged Presentation for CD
- d. File/ Export / Burn to CD

Câu 108. Trong PowerPoint, điểm xử lý nào trên một ảnh đã được chọn cho phép thay đổi kích thước cả hai chiều rộng và cao của ảnh cùng một lúc?

- a. Một trong các điểm xử lý ở góc
- b. Điểm xử lý nằm ở giữa phía trái hoặc phải
- c. Điểm xử lý nằm ở giữa phía trên hoặc dưới
- d. Hình tròn màu xanh lá cây

Câu 109. Chọn phát biểu SAI: Trong PowerPoint, để nhân bản một Slide giống với Slide đã có, ta chọn:

- a. Nhấn tổ hợp phím Alt + D
- b. Click chuột phải vào Slide, chọn Duplicate Slide
- c. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + D
- d. Trên thẻ Home, chọn nhóm Slide, chọn mũi tên xuống trong New Slide, chọn Duplicate Selected Slide

Câu 110: Để lưu các trang chiếu thành các tệp dạng jpeg bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Vào File, chọn Save As, chọn File Interchange Format
- b. Vào File, chọn Save As, chọn Graphics Interchange Format
- c. Vào File, chọn Save As, chọn Powerpoint Picture Presentation
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai

Câu 111. Mạng Internet:

- a. Là sự kết nối các máy tính trên phạm vi toàn cầu
- b. Là sự kết nối các máy tính trong một cơ quan
- c. Là mạng kết nối các máy tính trong một thành phố
- d. Là một mạng máy tính nối giữa 2 máy với nhau

Câu 112. Dịch vụ Google Calendar giúp người dùng làm gì?

- a. A.Xây dựng và quản lý lịch làm việc trực tuyến
- b. B.Chia sẻ tài liệu trực tuyến
- c. C.Mạng xã hội
- d. D.Hội thoại trực tuyến

Câu 113. Người dùng nên làm gì để có thể nhanh chóng tìm lại được các e-mail đã nhận được?

- a. Đánh dấu các tin nhắn
- b. Trả lời tin nhắn
- c. Chuyển tiếp tin nhắn cho chính mình
- d. Lưu tin nhắn như một tệp tin văn bản

Câu 114. Nút nào trên thanh công cụ (ToolBar) của chương trình Internet Explorer thực hiện chức năng duy trì danh mục các trang Web được ưa thích?

- a. Favorites
- b. Refresh
- c. History
- d. Search

Câu 115. Quá trình tải dữ liệu lên mạng Internet (Upload) là:

- a. Một trong những dịch vụ phổ biến nhất trên Internet
- b. Quá trình sao chép dữ liệu từ máy tính của người dùng lên mạng Internet
- c. Địa chỉ đến một nội dung cụ thể trên Internet
- d. Quá trình chuyển một tập tin từ bất cứ nơi nào trên Internet vào máy tính của người dùng

Câu 116. Để tô màu nền cho Powerpoint 2010 ta chọn những lệnh nào:?

- a. Insert \ Background \ Background Style
- b. Layout \ Background \ Background Style
- c. Home \ Background \ Background Style
- d. Design \ Background \ Background Style

Câu 117. Cài đặt tự động chuyển trang slide khi trình chiếu, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Thẻ Design, nhóm Timing
- b. Thẻ Transitions, nhóm Transition, On mouse click
- c. Thẻ Transitions, nhóm Timing, chọn After
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai

Câu 118. Để đưa nội dung từ một ứng dụng khác vào vào trang chiếu, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Thẻ Insert, chọn Object
- b. Thẻ Insert, chọn TextBox
- c. Thẻ Insert, chọn Screenshot
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai

Câu 119. Để xóa tất cả ghi chú trong tập tin Powerpoint, sau khi chọn đối tượng đầu tiên có ghi chú, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Delete
- b. Delete all Markup in this Presentation
- c. Delete all Markup on the Current Slide
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai

Câu 120. Trong Powerpoint, để tắt chức năng kiểm tra chính tả tiếng Anh, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Review\ Spelling \ Ignore
- b. PowerPoint Options\ Advanced
- c. PowerPoint Options\ Proofing
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai

Câu 121. Chức năng Animations/ Timing/ Delay dùng để:

- a. Thiết lập thời gian chờ trước khi slide được trình chiếu
- b. Thiết lập thời gian chờ trước khi hiệu ứng bắt đầu
- c. Thiết lập thời gian hoạt động cho tất cả các hiệu ứng
- d. Tất cả đều đúng

Câu 122. Trong ứng dụng PowerPoint chức năng hyperlink dùng để tạo liên kết

- a. Slide trong cùng 1 presentation
- b. Slide không cùng 1 presentation
- c. Địa chỉ email, trang web, tập tin.
- d. Các lựa chọn trên đều đúng.

Câu 123. Lựa chọn nào sau đây thuộc về thẻ View trong Powerpoint? (Chọn nhiều trả lời)

- a. Slide Sorter
- b. Notes Page
- c. Presentation View
- d. Outline view

Câu 124. Khi tạo hiệu ứng cho 1 đối tượng, muốn hiệu ứng này chỉ được thực hiện khi click vào 1 đối tượng khác, bạn dùng chức năng gì?

- a. Trigger.
- b. Animation Painter.
- c. On Mouse Click.
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều sai.

Câu 125. Trình bày cách sử dụng nhiều Theme trong cùng 1 tập tin PowerPoint?

- a. Chọn slide \click chọn 1 theme, lập lại cho các slide khác.
- b. Chọn slide \vào Design, click chọn 1 theme, lập lại cho các slide khác.
- c. Chọn slide \right click vào theme \Apply to Selected Slides, lập lại cho các slide khác.
- d. Cả 3 lựa chọn trên đều đúng.

Câu 126. Trong PowerPoint, muốn xuất hiện bút để đánh dấu khi trình chiếu, bạn sử dụng lựa chọn nào?

- a. Nhấn tổ hợp phím Ctrl+P
- b. Nhấn phím P
- c. Nhấn tổ hợp phím Alt+P
- d. Tất cả lựa chọn trên đều sai

-----★-----